

UBND TỈNH NINH BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **979** /STC-NS

Ninh Bình, ngày **06** tháng 8 năm 2025

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán
ngân sách nhà nước năm 2026, kế
hoạch tài chính - ngân sách nhà
nước 03 năm 2026-2028

TT TƯ VẤN & DV TÀI CHÍNH CÔNG

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: **292**

Ngày: **12/8/2025**

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, các đơn vị thuộc cấp tỉnh;
- Thuế tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục Hải quan khu vực IV;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028.

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN NĂM 2025

I. Căn cứ đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2025

1. Các Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2025 và giao dự toán NSNN năm 2025 sau điều chỉnh, sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Văn bản khác:

a) Các văn bản hướng dẫn công tác tài chính, tài sản công, NSNN khi sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

b) Các văn bản của cấp có thẩm quyền về chế độ thu, chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác và các giải pháp về thu tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân; các quy định về cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ thu, chi NSNN năm 2025.

c) Các kết luận, kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán, kiểm tra về công tác cải cách thủ tục hành chính, quản lý sử dụng tài chính công, tài sản công, giải quyết khiếu nại tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng có liên quan đến hoạt động thu, chi NSNN.

3. Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 6 tháng đầu năm 2025; dự báo và các giải pháp phấn đấu hoàn thành dự toán NSNN trong những tháng còn lại và cả năm 2025 đã được cấp thẩm quyền quyết định.

II. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2025

1. Đánh giá việc thực hiện dự toán được giao sau điều chỉnh, sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

2. Thực hiện đúng quy định của Luật NSNN và pháp luật có liên quan; đánh giá đầy đủ mọi khoản thu (*không bao gồm các khoản thu ngoài NSNN*).

3. Rà soát, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2025 (*thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan nhất là những khoản thu/ nhiệm vụ thu biến động lớn*); kết quả xử lý nợ thuế; kiến nghị, giải pháp để phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được giao.

4. Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (*nếu có*).

III. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2025

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính và Văn bản số 69/STC-TH ngày 08/7/2025 của Sở Tài chính.

IV. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2025

Báo cáo dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao, điều chỉnh (*nếu có*) theo phương án sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tình hình phân bổ, giao dự toán và việc cắt giảm chi (*tiền lương, chi bộ máy...*) sau sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khó khăn, kiến nghị (*nếu có*).

1. Tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025 theo từng lĩnh vực chi được giao. Trong đó báo cáo cụ thể chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục - đào tạo và dạy nghề; chi phục vụ xây dựng pháp luật; chi y tế, dân số và gia đình; nhiệm vụ chi được bố trí từ 02 nguồn thường xuyên và đầu tư theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án lớn sử dụng nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025; khó khăn, vướng mắc và đề xuất, cụ thể:

- Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách chế độ kết thúc hoặc hết hiệu lực; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các chế độ, chính sách không phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành.

- Tình hình tinh giản biên chế, chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: Trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2025. Trong đó, chi tiết số đối tượng đã nghỉ đến ngày 30/6/2025, dự kiến nghỉ 6 tháng cuối năm, nhu cầu kinh phí và số kinh phí đã chi trả chính sách quy định tại các Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, số 154/2025/NĐ-CP, số 177/2024/NĐ-CP, số 178/2024/NĐ-CP, số 67/2025/NĐ-CP và các quy định hiện hành (*Báo cáo chi tiết*

theo biểu số 01 đính kèm).

- Tình hình bố trí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.
- Đánh giá kinh phí cắt giảm, tiết kiệm do thực hiện sắp xếp bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo các quy định hiện hành, gồm giảm chi thường xuyên (giảm quỹ lương, chi hoạt động bộ máy) và giảm chi ĐTPT (chi nâng cấp, cải tạo, xây mới trụ sở...) (Báo cáo chi tiết theo biểu số 02, 03 đính kèm).
- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2025 theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công và các văn bản hướng dẫn.
- Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 và Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ.

3. Tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và địa phương ban hành, chi tiết theo số đối tượng hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện năm 2025), mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách theo quy định để xác định nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ (Báo cáo chi tiết theo các phụ lục số 01, 02 đính kèm).

4. Tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 sau sắp xếp (theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng)

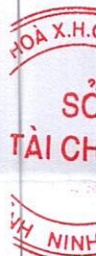
V. Đánh giá tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án, đề án khác năm 2025 và các năm 2021-2025

1. Đối với các Chương trình MTQG: Căn cứ các quy định hiện hành, các cơ quan, đơn vị đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2025 (chi tiết dự toán các năm trước chuyển sang năm 2025 theo quy định để thực hiện và dự toán năm 2025 được giao - nếu có), chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, nguồn vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có).

2. Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030, đánh giá việc hoàn thiện thể chế (nếu có), việc phân bổ, thực hiện dự toán giao năm 2025. Trường hợp có sử dụng nguồn vốn nước ngoài, báo cáo riêng tình hình phân bổ, giải ngân đối với từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các đề xuất, kiến nghị (nếu có). Đánh giá lũy kế giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030; kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp (nếu có).

VI. Đánh giá tình hình sử dụng nguồn vốn nước ngoài

Đánh giá tình hình sử dụng nguồn vốn nước ngoài năm 2025 chi tiết theo dự án, nhà tài trợ, nguồn vốn: vốn vay (vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ



trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với viện trợ không hoàn lại, đánh giá việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ bổ sung dự toán; khó khăn, vướng mắc khi giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp.

Đánh giá tình hình thực hiện, kết quả giải ngân vốn nước ngoài, so sánh với dự toán được giao; vướng mắc về thủ tục giải ngân vốn ODA (nếu có); làm rõ nguyên nhân giải ngân chậm; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

VII. Đánh giá tình hình thực hiện năm 2025 cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Rà soát, đánh giá, tình hình thực hiện phân bổ, giải ngân năm 2025 đến hết tháng 06/2025 và dự kiến cả năm 2025, bao gồm chi NSNN trực tiếp từ lĩnh vực khoa học, công nghệ và chi cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được bố trí từ tất cả các lĩnh vực chi NSNN khác (*chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công nghệ thông tin, các nhiệm vụ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, Đề án 06...*). Trong đó làm rõ các nhiệm vụ kết thúc năm 2025 và kinh phí đã bố trí năm 2025 tương ứng, các nhiệm vụ chuyển tiếp (*tổng kinh phí phê duyệt, số đã bố trí năm 2025 và tổng số lũy kế đến hết năm 2025, số còn phải bố trí*).

VIII. Một số nội dung đánh giá khác

1. Tình hình thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025 theo quy định và việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương năm 2025 để thực hiện chính sách tiền lương, chế độ, chính sách tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, Nghị định 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP;... các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành và các nhiệm vụ được phép chi từ nguồn cải cách tiền lương theo các văn bản của cấp có thẩm quyền.

2. Báo cáo tình hình sử dụng dự phòng NSDP sau sắp xếp, trong đó, số bố trí dự toán dự phòng, số đã sử dụng từ nguồn dự phòng NSDP đến ngày 30/6/2025, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2025.

3. Tình hình thực hiện vay và trả nợ các khoản vay của NSDP sau sắp xếp năm 2025.

4. Tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, cơ quan Thanh tra, kiểm tra.

5. Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2025.

6. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN

- Các cơ quan, đơn vị báo cáo các khoản thu của đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN); đánh giá các khoản thu phí được để lại năm 2025 đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ bố trí từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN trong năm 2025, chi tiết nhiệm vụ chi đầu tư phát triển theo quy định (*chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị*), nhiệm vụ chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi; trong đó cụ thể đối với các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục- đào tạo và dạy nghề; chi phục vụ xây dựng pháp luật (*nếu có*).

- Dự kiến nguồn thu hợp pháp còn lại cuối năm 2025.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026

I. Yêu cầu xây dựng dự toán NSNN năm 2026

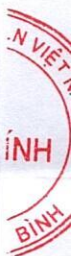
1. Tuân thủ đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030, dự kiến kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, các mục tiêu theo các Nghị quyết của Trung ương; các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển địa phương theo quy định, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ,....

2. Rà soát chính sách, chế độ hiện hành, lồng ghép, bãi bỏ các chế độ, chính sách (*nhất là các chính sách an sinh xã hội*) chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cần đổi mới được nguồn thực hiện; dự kiến đầy đủ nhu cầu NSNN theo phân cấp thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước chi NSNN đến hạn thu hồi trong năm theo quy định của pháp luật về NSNN và đầu tư công. Trường hợp đề xuất dự toán chi theo chủ trương của cấp có thẩm quyền, cần chi tiết nội dung chi và cơ sở xác định dự kiến kinh phí.

3. Tập trung xử lý, giải quyết dứt điểm ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

II. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2026

1. Đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN; bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính trong và ngoài nước, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật; tăng cường quản lý, chống thất thu; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, thương mại điện tử; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.



2. Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2026 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) bình quân tăng tối thiểu 10-12% so với ước thực hiện năm 2025 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách); dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2026 tăng bình quân khoảng 5-7% so với ước thực hiện năm 2025. Mức tăng trưởng thu ngân sách tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn, trên cơ sở tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế.

III. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026

1. Yêu cầu xây dựng

- Đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan; căn cứ chế độ, chính sách hiện hành và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định; thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đột phá phát triển trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công; Đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, lộ trình tinh giản biên chế theo các quy định.

- Đối với việc lập dự toán của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Các cơ quan, tổ chức này tiếp tục lập dự toán theo quy định pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

- Sắt khả năng thực hiện và nguồn đảm bảo, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Rà soát các nhiệm vụ trùng lặp, nhiệm vụ kết thúc năm 2025; nhiệm vụ dở dang tiếp tục thực hiện năm 2026; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và triển khai thực hiện ngay khi được giao kinh phí, dự toán NSNN thực hiện phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định).

2. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển:

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 56/2025/TT-BTC và hướng dẫn của Sở Tài chính tại Văn bản số 69/STC-TH ngày 08/7/2025. Trong đó lưu ý một số nội dung như sau:

- Dự toán chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp các mục tiêu, định hướng phát triển Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

- Phương án bố trí vốn theo đúng thứ tự quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, đảm bảo nguồn thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước, trong đó có Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, các dự án quan trọng, trọng điểm. Tập trung bố trí thu hồi vốn ứng trước; không bố trí vốn dàn trải, manh mún, kém hiệu quả.

3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên:

a) Xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi bảo đảm đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, xác định cụ thể mức tăng giảm so với dự toán năm 2025 sau sắp xếp.

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2026 theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025; kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, dự toán tương ứng ở các lĩnh vực chi trên cơ sở các quy định hiện hành.

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí cho học sinh mầm non, phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân; chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3-5 tuổi.

- Đối với kinh phí chi trả đối tượng hưu do NSNN bảo đảm, dự toán trên cơ sở Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

- Đối với nội dung sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính; nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thực hiện theo Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2025 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, biên chế trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Số biên chế năm 2025 (sau sắp xếp bộ máy, đơn vị hành chính) theo Quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền (nếu có), số biên chế giảm theo Nghị định 29/2023/NĐ-CP, số biên chế dự kiến giảm theo Nghị định 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP,

Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định liên quan; số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2025.

- Việc lập dự toán chi hoạt động thường xuyên theo định mức được xác định như sau:

+ Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, các cơ quan lập dự toán chi trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế được giao.

+ Trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, nhưng năm 2025 đã được giao biên chế: Các cơ quan lập dự toán năm 2026 trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế giao năm 2025 trừ số biên chế giảm theo các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Lập dự toán Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ quy định trên cơ sở:

+ Biên chế xác định như trên.

Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 lớn hơn số biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2025, quỹ lương được xác định bao gồm: (i) quỹ lương của số biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và (ii) quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định. Số biên chế được tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt được tính tăng thêm theo chế độ quy định.

Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 nhỏ hơn số biên chế theo Đề án sắp xếp thì quỹ lương năm 2026 được xác định dựa trên quỹ lương tại thời điểm sắp xếp tính giảm theo chủ trương tinh giản biên chế.

- Lập dự toán quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

- Lập dự toán đối với các trường hợp có chính sách hỗ trợ riêng như người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chiến lược, chính sách, xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15, hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng theo quy định của Chính phủ và các khoản chi đặc thù năm 2026 (*cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, chính sách, chế độ, định mức chi theo quy định*) trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 và quy định của pháp luật có liên quan.

- Đề xuất dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm

kỳ 2026-2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XVI, kèm thuyết minh chi tiết.

d) Các cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý, khai thác tài sản công (*trong đó có nhà, đất*), cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (*nếu có*). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN.

đ) Đối với chi thường xuyên các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay (*ODA và vay ưu đãi nước ngoài*), vốn viện trợ (*vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức*): Thực hiện theo quy định tại tiết i khoản 4 Điều 17 Thông tư số 56/2025/TT-BTC.

4. Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Việc hỗ trợ kinh phí đối với các hội thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026, các chương trình, đề án khác:

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2021-2025; căn cứ các quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan được giao chủ quản các Chương trình MTQG, các chương trình, đề án khác trên địa bàn tỉnh xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2026 (*bao gồm chi ĐTPT và chi thường xuyên*) của từng chương trình chi tiết theo từng cơ quan, đơn vị trên cơ sở khả năng thực hiện hằng năm và tổng mức kinh phí đã được phê duyệt (*nếu có*); chịu trách nhiệm về căn cứ pháp lý, thực tiễn, đề xuất nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và phương án phân bổ chi tiết cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đúng quy định, đầy đủ hồ sơ, thủ tục, quyết định phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

6. Đối với dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo quy định: Các cơ quan, đơn vị và địa phương lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

7. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác: Xây dựng dự toán thành một mục chi riêng trong chi cân đối NSDP, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn; kèm theo thuyết minh mức chi trả chi tiết theo từng nguồn vốn vay (*nếu có*).

8. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của địa phương: xác định bằng số được giao trong dự toán năm 2025.

9. Dự phòng NSDP bố trí theo đúng quy định của Luật NSNN.

10. Đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách: các cơ quan, đơn vị được giao quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2026 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và các quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2026 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (*trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các quỹ này*).

11. Lập dự toán nguồn, nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (*phần NSNN đảm bảo*):

a) Về nguồn cải cách tiền lương: Năm 2026, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường tiếp tục thực hiện chính sách tạo nguồn cải cách tiền lương kết hợp triệt để tiết kiệm chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn.

b) Về nhu cầu hỗ trợ kinh phí: Dự toán nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện năm 2026 trên cơ sở đảm bảo các chính sách, chế độ tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (*phần NSNN đảm bảo*), trợ giúp xã hội theo các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP năm 2024 của Chính phủ sau khi đã sử dụng các nguồn thực hiện của cơ quan, đơn vị theo quy định.

12. Xây dựng dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và địa phương ban hành chi tiết theo số đối tượng hưởng, mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách theo quy định để xác định nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ (*chi tiết theo các phụ lục số 01, 02 đính kèm*).

13. Lập dự toán năm 2026 cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

14. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2026, các địa phương xây dựng dự toán chi chặt chẽ, theo quy định tại Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản pháp luật có liên quan; chủ động triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của đơn vị mình để trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực, giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31/12/2025 theo đúng quy định của Luật NSNN.

C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2026-2028

1. Việc xây dựng dự toán năm 2026 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC và mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030; đối với 02 năm 2027-2028 được giả định tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách năm 2026.

2. Dự toán chi năm 2026-2028 xây dựng căn cứ các quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP và số 77/2024/NĐ-CP của Chính phủ và lộ trình các năm 2026-2028 đã được phê duyệt (nếu có).

3. Căn cứ số thu được giao, phạm vi thu NSNN theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, các đơn vị lập kế hoạch thu NSNN năm 2026-2028.

4. Trên cơ sở dự kiến nguồn thu trên địa bàn, nguồn thu của địa phương, dự kiến số bổ sung từ NSTW cho NSDP do cơ quan có thẩm quyền thông báo trong 03 năm 2026-2028; các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch chi NSDP năm 2026-2028, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi.

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Về biểu mẫu lập và báo cáo dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028

1. Đối với dự toán năm 2026, áp dụng mẫu biểu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (trong đó lưu ý, các lĩnh vực sự nghiệp áp dụng mẫu biểu số 12.1 đến 12.5) và các mẫu biểu số 01, số 02 (a, b, c, d, e), số 03, số 04 (a, b, c), số 05 ban hành kèm theo Thông tư 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028: áp dụng các mẫu biểu từ số 01 đến số 06 và mẫu biểu từ số 13 đến số 19 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm.

II. Thảo luận dự toán

1. Các đơn vị dự toán cấp tỉnh, UBND các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2026-2028 của ngành, lĩnh vực mình phụ trách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015, các văn bản hướng dẫn và những nội dung hướng dẫn của văn bản này báo cáo UBND tỉnh; đồng thời gửi báo cáo về Sở Tài chính, Thuế tỉnh Ninh Bình *trước ngày 01/9/2025* để tổng hợp chung toàn tỉnh. (Nếu quá thời hạn trên, nếu các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường không có báo cáo hoặc báo cáo chưa đầy đủ theo đúng biểu mẫu quy định coi như không có nhu cầu thực hiện).

2. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đề nghị các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường lập dự toán kinh phí thực hiện năm 2026 gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp *trước ngày 01/9/2025*. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp gửi Sở Tài chính *trước ngày 05/9/2025*.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2026 của từng chương trình, phương án phân bổ cho từng cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính *trước ngày 05/9/2025*.

Sở Tài chính tổ chức buổi làm việc thảo luận dự toán đối với các đơn vị theo quy định của Luật NSNN (*lịch thảo luận cụ thể sẽ có thông báo*).

Trên đây là một số nội dung về xây dựng dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2026-2028. Các nội dung khác ngoài Công văn này, đề nghị các đơn vị thực hiện theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật và hướng dẫn tại Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để xem xét, giải quyết./.

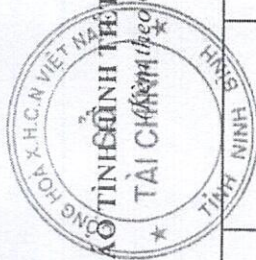
Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- Giám đốc, các Đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, NS.

GIÁM ĐỐC



Mai Văn Quyết



Biểu số 03

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYÊN NSNN DO THỰC HIỆN SẮP XẾP, TÍNH GỌN BỘ MÁY

Công văn số **939** /STC-NS ngày **06** tháng **8** năm 2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Người, triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số biên chế được giao năm 2025 (sau sắp nhập)- nếu có (I)	Số tiết kiệm được đến ngày 30/6/2025				Số dự kiến tiết kiệm được từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2025			
			Số biên chế giảm	Kinh phí tiết kiệm được			Số biên chế giảm	Kinh phí tiết kiệm được		
				Tổng số	Tiết kiệm quỹ tiền lương	Tiết kiệm chi hoạt động		Tổng số	Tiết kiệm quỹ tiền lương	Tiết kiệm chi hoạt động
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Lĩnh vực Quốc phòng									
	...Đơn vị...									
	...									
II	Lĩnh vực An ninh									
	...									
...	...(Chỉ tiết từng lĩnh vực)									

Ghi chú: (1) Trường hợp chưa được cấp có thẩm quyền giao biên chế thì sử dụng số biên chế theo Đề án đã xây dựng đang trình cấp có thẩm quyền